

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Chung; Ông Mai Minh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Vy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 600/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Ngọc N**, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Số E, tổ B, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Số I, tổ B, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện quen nhau và kết hôn vào năm 2007, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 395/2007, đăng ký ngày 02/11/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 31/8/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/2011. Thời gian sau, do ông H ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn,

không chăm lo cho vợ, con. Bà N tìm cách khuyên nhưng ông H không thay đổi, ngược lại nhiều lần chửi bới, đánh đập bà N. Từ đó, vợ chồng thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà và ông H không thể hàn gắn được với nhau nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Hiện cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu T hiện đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà N về thời gian, điều kiện đăng ký kết hôn và có với nhau 02 người con chung như bà N trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, ông có nhậu nhưng không nghiêm trọng như bà N trình bày, sáng thì ông đi làm đến chiều thì mới về nhậu với bạn bè cho vui, tiền lương ông làm được đều đưa bà N giữ. Hiện bà N không còn thương ông nên mới nói vậy. Hiện ông và bà N đã ly thân với nhau, không còn sống chung nhà, do bà N tự bỏ nhà đi làm ở Bình Dương hơn 01 năm nay. Ông đã nhiều lần tìm cách hàn gắn lại tình cảm nhưng bà N kiên quyết không đồng ý. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông và bà N không thể hàn gắn được với nhau, để ai cũng có cuộc sống riêng nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Hiện cháu H1 đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu T hiện đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N và ông H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo

quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông H. Về con chung: Cháu H1 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên đề nghị không xem xét, giao con chung là cháu T cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc N và ông Nguyễn Thanh H tự nguyện quen nhau và kết hôn, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 395/2007, đăng ký ngày 02/11/2007 nên công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H, nguyên nhân do ông H thường ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ, con, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông H thừa nhận có nhậu nhưng không nghiêm trọng như bà N trình bày, do bà N không còn thương ông và tự bỏ đi làm xa, vợ chồng không còn sống chung với nhau, nhiều lần ông tìm cách hàn gắn nhưng bà N vẫn không đồng ý. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải, phiên tòa để hoà giải, tạo điều kiện

cho bà N và ông H có cơ hội được hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau nhưng ông bà vẫn vắng mặt, điều này thể hiện cả bà N và ông H đều không muốn hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Về con chung: Bà N và ông H khai vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 31/8/2005 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/2011. Xét thấy, hiện cháu H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không xem xét. Riêng cháu T hiện đang sống ổn định với ông H, cả bà N và ông H đều thống nhất để ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu T cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông H là người trực tiếp nuôi con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung: Căn cứ vào 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy bà N là người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này, ai tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N:

- Về hôn nhân: Cho nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc N được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 395/2007, đăng ký ngày 02/11/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh H và bà Võ Thị Ngọc N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/8/2011 cho ông Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu T đang sống với ông H. Đối với cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 31/8/2005, hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động được nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Bà Võ Thị Ngọc N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số: 0006110 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên bà N không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà N, ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. Châu Phú;
- Chi cục THA DS H. Châu Phú;
- UBND TT Vĩnh Thạnh Trung;
- H. Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung